

Bản án số: 46/2023/HS-ST

Ngày 13-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hội.

Ông Đào Hồng Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Hiền Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (là điểm cầu trung tâm) và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (là điểm cầu thành phần) xét xử trực tuyến công khai tại 02 điểm cầu vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Tuấn A (tên gọi khác: **Tuấn Cà L**), sinh ngày 01-01-1983 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: **Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Nơi ở hiện tại: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Tấn K**, sinh năm: không xác định (sống) và bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: không xác định (chết); Anh chị em ruột: 04 người, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Tiền sự: Không. Tiền án: Vào ngày 21-01-2021 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 19-4-2022 (chưa được xóa án tích).

Tạm giữ: Ngày 03-7-2023.

Tạm giam: Ngày 06-7-2023.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Nguyễn Thành P, sinh năm 1996 (có mặt).

Cư trú: Ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thành X, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 02/7/2023, Nguyễn Văn Tuấn A (tên gọi khác: Tuấn Cà L), ngụ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đi xe buýt lên thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp tìm bạn nhưng không tìm được. Sau đó, Tuấn A đi vào điểm chơi lắc tài xỉu ở thị trấn S (không xác định được địa điểm cụ thể ở khu vực nào ở thị trấn S, huyện T). Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Tuấn A đi bộ ngang Điện máy xanh thuộc Khóm A, thị trấn S, huyện T thấy có khoảng 07 chiếc xe mô tô đang dựng trước cửa nên Tuấn A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó Tuấn A đến dắt 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 66K1-232.31, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu đỏ-ghi của anh Nguyễn Thành P dẫn đi một đoạn thì dùng 01 cây vít (đoản) bẻ ổ khóa xe nổ máy chạy về hướng thành phố H gặp 01 tiệm sửa xe mô tô (không biết tên, địa chỉ) đóng cửa nên dừng xe lại đi vào lấy 01 cây chìa khóa số 10 tháo (gỡ) biển số xe 66K1-232.31, sau đó Tuấn A lấy cây vít và biển số xe ném bỏ trên đường (không xác định địa chỉ cụ thể), tiếp tục điều khiển xe chạy về hướng huyện T, tỉnh Long An. Khi chạy xe đến xã K, huyện T, tỉnh Long An thì bị Công an xã K ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra, lúc này Tuấn A xuống xe bỏ chạy thì bị Công an xã K truy tìm và bắt giữ được Tuấn A đưa về trụ sở làm việc. Tại đây, Tuấn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô, sau đó Công an xã K bàn giao vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp xử lý theo quy định pháp luật.

* Vật chứng của vụ án thu giữ: 01 xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ-ghi, loại xe Future, số máy: JC54E3175555, số khung: RLHJC5389EZ111322 đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho anh Nguyễn Thành P.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐG ngày 04-7-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô biển số: 66K1-232.31, số máy: JC54E3175555, số khung: RLHJC5389EZ111322, màu sơn đỏ-ghi, nhãn hiệu Honda, loại phương tiện 02 bánh, số loại: Future, giá trị còn

lại 50%, giá trị định giá: 16.000.000 đồng; 01 bản số xe biển số: 66K1-232.31, giá trị định giá: 100.000 đồng. **Tổng giá trị định giá là 16.100.000 đồng.**

Đối với 01 cây vít, 01 cây chìa khóa số 10, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội mà **Tuấn A** dùng để bẻ ổ khóa xe và tháo (gỡ) biển số xe, nhưng đã ném bỏ trên đường (không xác định địa chỉ cụ thể) nên không tổ chức truy tìm.

Đối với 01 cây chìa khóa số 10 mà **Tuấn A** đã lấy ở 01 tiệm sửa xe trên đường (không xác định địa chỉ cụ thể) cũng không biết tên tiệm sửa xe, không làm việc được nên không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 66K1-232.31 là của ông **Nguyễn Thành X** (cha của anh **Nguyễn Thành P**) đứng tên giấy đăng ký, nhưng ông **X** giao cho anh **P** là người quản lý, sử dụng, nên ông **X** không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại Cáo trạng số: 43/CT-VKSTH ngày 25-8-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** thừa nhận hành vi của bị cáo như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại **Nguyễn Thành P** không yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** bồi thường gì vì đã nhận lại tài sản bị mất và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Tại phiên tòa bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** mức án từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý xong nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo, bị hại đều không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời nhận tội của bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, phù hợp với kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại **Nguyễn Thành P** 01 xe mô tô có giá trị định giá là 16.100.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xuất phát từ lòng tham lam của bản thân; hành vi vi phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây lo lắng trong cộng đồng dân cư và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Vì vậy nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Ngoài ra tại phiên tòa, bị hại **Nguyễn Thành P** xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại **Nguyễn Thành P** không yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** bồi thường vì đã nhận lại tài sản bị mất là chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 66K1-232.31; đối với giá trị biển số xe bị cáo đã ném bỏ, anh **P** cũng không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý xong nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo (03-7-2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý xong nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Nguyễn Văn Tuấn A** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13-9-2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tân Hồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Dung